

-----*-----
Bản án số: 22/2019/DSST

Ngày: 13/8/2019

V/v: “T/C về yêu cầu tuyên bố HĐCC vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Phương Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Bình Quyền
2. Bà Đỗ Thị Vân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà : Ông Nguyễn Văn Bình - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hoàng Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hoá tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Xuân Hà -KSV

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoàng Hoá xét xử sơ thẩm vụ án dân sự “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu*” thụ lý số 22/2019/TLST-DS ngày 20/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST – DS ngày 02/8/2019 giữa:

1.*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình L- sinh năm: 1956 là Công chứng viên thuộc văn phòng Công chứng TT

Địa chỉ: 12 Đ, phường S, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Trương L- sinh năm 1969 và bà Lê Thị T- sinh năm 1972

Đều cùng địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, Thanh Hóa.

Có mặt.

3.*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê Trương H- sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, Thanh Hóa.

Vắng mặt;

- Ông Lê Trương T- sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn G, xã T, Huyện H, Thanh Hóa.

Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Đào Xuân C - sinh năm 1964

Địa chỉ: 07, P, Phường S, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10/4/2019). Có mặt.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2019, bản tự khai ngày 09/7/2019, nội dung tại phiên hòa giải ngày 10/7/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Nguyễn Đình L, công chứng viên văn phòng Công chứng TT đã trình bày:

Vào sáng ngày 17/9/2018, các công dân:

+) Ông: Lê Trương L- Sinh năm: 1969

CMND số: 174 558 470 do công an Thanh Hóa cấp ngày 16/7/2012.

+) Bà: Lê Thị T- Sinh năm: 1972 - CMND số: 172 074 321 do công an Thanh Hóa cấp ngày 24/6/2014

Đều cùng hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

+) Ông: Lê Trương H - sinh năm 1963 có CMND số: 171 611 000 do công an Thanh Hóa cấp ngày 14/4/2010.

Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

+) Ông: Lê Trương T - Sinh năm: 1963 - CCCD số: 038 063 005 850 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 29/8/2018.

Hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Và một số người khác đã đến tại Văn phòng công chứng T T, tỉnh Thanh Hóa với yêu cầu: Soạn thảo và chứng nhận Hợp đồng mua bán tàu cá mà bên bán là các ông/bà : Lê Trương L và Lê Thị T và bên mua là các ông/bà Lê Trương H và Lê Trương T

Bên bán đã cung cấp tài liệu liên quan đến nhân thân và tàu cá mua bán:

-Giấy chứng nhận đăng ký tàu TH-90929-TS;

- Giấy phép khai thác thủy sản số: 176287/KTTS;

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số: 1713209/ĐKTC, mang tên chủ tàu: Lê Trương Lâm;

- Chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá số: T 00873;

- CMND, hộ khẩu ông Lê Trương L và bà Lê Thị T

Bên mua đã cung cấp giấy tờ có liên quan đến nhân thân: CMND, hộ khẩu của các ông Lê Trương H và ông Lê Trương T

Sau khi xem xét hồ sơ, ông đã cho nhân viên giúp việc soạn thảo Hợp đồng theo yêu cầu của cả hai bên. Soạn thảo Hợp đồng xong, ông đã cho hai bên đọc lại toàn bộ nội dung dự thảo Hợp đồng, các bên đã tự đọc và đồng ý với toàn bộ nội

dung dự thảo Hợp đồng. Khi đối chiếu các tài liệu, hồ sơ có liên quan đến nhân thân và tài sản mua bán, phát hiện thấy Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá TH-90929-TS chỉ có bản sao mà không có bản chính (gốc), ông đã hỏi lại bên bán thì được trả lời: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá TH-90929-TS đã bị mất trước khi đến Văn phòng công chứng soạn thảo Hợp đồng, giao dịch.

Ông đã giải thích các nội dung có liên quan đến việc công chứng Hợp đồng, giao dịch, yêu cầu bản chính của các tài liệu chứng minh quyền sở hữu và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng, giao dịch có sự vi phạm pháp luật và trái đạo đức xã hội đồng thời yêu cầu khi nào có đầy đủ giấy tờ theo quy định ông sẽ chứng nhận vào hợp đồng.

Tuy nhiên hai bên (*bên bán và bên mua*) đều cam đoan: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá TH-90929-TS chỉ bị mất, bên bán có trách nhiệm xin cấp lại và chỉ khi nào có bản chính (gốc) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá TH-90929-TS các bên mới thực hiện việc chuyển quyền, các bên sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm ở trên. Các bên đã viết nộp cho văn phòng bản cam kết thể hiện nội dung trên.

Do cả tin ông đã cho bên bán ký/điểm chỉ và bên mua ký vào các bản Hợp đồng mua bán tàu cá đồng thời làm lời chứng chứng nhận Hợp đồng mua bán tàu cá số công chứng: 5335; quyển số: 01/2018. TP/CC-SCC/HĐGD

Cho đến nay hai bên vẫn không thực hiện được việc chuyển quyền sở hữu tàu cá nêu trên, với lý do: Bên bán không xin được Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đã bị mất.

Việc Công chứng viên ký chứng nhận Hợp đồng mua bán tàu cá số công chứng: 5335; quyển số: 01/2018. TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 17/9/2018 đã thực hiện không đúng trình tự theo quy định tại khoản 3 Điều 41, Luật công chứng năm 2014

Theo quy định tại Điều 50, Luật công chứng năm 2014, ông đã nhiều lần về nơi cư trú của các bên tham gia giao kết hợp đồng, giao dịch với yêu cầu: Các bên đến Văn phòng công chứng TT để lập Văn bản hủy bỏ Hợp đồng mua bán tàu cá nêu trên. Tuy nhiên các bên không đồng tình với việc hủy bỏ hợp đồng mua bán tàu cá với lý do: *“Khi lập Hợp đồng mua bán tàu cá bản chính Giấy đăng ký tàu cá chỉ bị mất mà không phải là thế chấp, cầm cố..... hoặc giao cho người khác cất giữ...”*

Nay ông xét thấy việc chứng nhận Hợp đồng mua bán tàu cá số công chứng: 5335; quyển số: 01/2018. TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 17/9/2018 đã vi phạm Luật công chứng năm 2014, đó là: Tuy không có đủ căn cứ pháp lý chứng minh quyền sở hữu về tài sản công chứng viên vẫn ký chứng nhận hợp đồng, giao dịch. Nhưng ông không có quan hệ quen biết các bên tham gia giao kết, không bị ép buộc... không vụ lợi hoặc những nhiễu các bên tham gia giao kết Hợp đồng, giao dịch.

Do vậy để thực hiện theo đúng quy định Luật công chứng năm 2014 và các Văn bản pháp luật có liên quan, ông yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng công chứng

số 5335; quyển số: 01/2018.TP/CC-SCC/HĐGD, do Văn phòng công chứng TT, tỉnh Thanh Hóa chứng nhận ngày 17/9/2018 là vô hiệu.

Tại bản khai ngày 28/6/2019, phiên hòa giải ngày 10/7/2019 bị đơn là ông Lê Trương L và bà Lê Thị T đã trình bày: Ông và vợ là Lê Thị T có bán cho ông Lê Trương T và ông Lê Trương H cùng xã T 01 tàu cá có giấy đăng ký TH- 90929-TS; Tuy nhiên, khi bán tàu cá giấy chứng nhận bản chính đã bị mất nhưng do nợ nần nhiều và cùng là anh em nên các ông Lê Trương T và Lê Trương H đã đồng ý mua, các bên đã đến Văn phòng Công chứng TT yêu cầu công chứng sự chuyển nhượng tàu cá giữa gia đình ông và ông T, ông H. Các bên cũng tự nguyện viết cam kết cho văn phòng với nội dung: Việc không có giấy gốc(bản chính) của con tàu là do bị mất và các bên tự chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng khi chỉ có bản photo. Nay văn phòng công chứng TT có đơn yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng công chứng tàu cá giữa gia đình ông và ông Lê Trương T, ông Lê Trương H vô hiệu là ông không đồng ý, vì thực tế các bên mua bán đã xong, giao nhận đủ tiền và ông T, ông H đã nhận tàu đi khai thác , việc văn phòng công chứng TT đứng sai như thế nào ông không liên quan vì ông là người dân không hiểu biết về pháp luật.

Nếu Tòa án tuyên vô hiệu đối với hợp đồng công chứng trên thì vợ chồng ông không yêu cầu công chứng viên, văn phòng công chứng bồi thường thiệt hại, cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên hợp đồng công chứng vô hiệu mà chỉ yêu cầu Tòa án công nhận việc mua bán tàu cá giữa ông và các ông Lê Trương H, Lê Trương T là có thật, để sau này các ông có quyền khởi kiện bằng 1 vụ án dân sự khác.

Tại bản khai ngày 10/7/2019, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Trương H và Lê Trương T đều trình bày: Các ông đều biết rõ tàu cá của gia đình anh TL(Chồng Lê Trương L và vợ là Lê Thị T) không còn giấy gốc, tuy nhiên do các ông có nhu cầu mua tàu, gia đình anh Tiến Lâm có nhu cầu bán tàu, nên các bên đã tự nguyện mua bán, giao tiền đầy đủ và nhận tàu đi khai thác. Việc các bên đến văn phòng công chứng TT yêu cầu lập hợp đồng chuyển nhượng con tàu là tự nguyện và cũng đã cam kết chịu trách nhiệm pháp luật với yêu cầu của mình. Nay Văn phòng công chứng TT có yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng công chứng con tàu trên là vô hiệu thì các ông không đồng ý; nếu tòa án tuyên vô hiệu thì các ông không yêu cầu công chứng viên, văn phòng công chứng bồi thường thiệt hại cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên hợp đồng công chứng vô hiệu, mà chỉ yêu cầu Tòa án công nhận việc mua bán con tàu là có thật, để các ông có cơ sở pháp lý tự giải quyết với nhau.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn không bổ sung, rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các bên cũng không thoả thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án; Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn bảo lưu quan điểm của người được ủy quyền, đề nghị HĐXX công nhận việc mua bán tàu cá giữa vợ chồng Lê Trương L và các ông Lê Trương H, Lê Trương T là có thật để các bên có cơ sở giải quyết vụ án dân sự khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa phát biểu quan điểm đánh giá quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án và HĐXX, quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi diễn ra phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung:

- Về thời hiệu khởi kiện: Đảm bảo đúng quy định tại Điều 132 BLDS;

- Về yêu cầu của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình L là công chứng viên thuộc văn phòng công chứng T T đã thực hiện công chứng hợp đồng dân sự khi giấy đăng ký sở hữu tàu cá TH-90929-TS không phải là bản chính mà chỉ là bản photo đã vi phạm nội dung tại khoản 3 Điều 41 Luật công chứng năm 2014 do đó đề nghị HĐXX tuyên Hợp đồng công chứng số 5335 là vô hiệu;

- Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu công chứng viên, văn phòng công chứng bồi thường thiệt hại, không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng công chứng bị tuyên là vô hiệu đề nghị HĐXX chấp nhận .

- Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu được Tòa án công nhận hợp đồng mua bán con tàu giữa bên bán và bên mua là có thật là không phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Tại Hợp đồng công chứng ngày 17/9/2018 các bên thỏa thuận giá con tàu là 500 triệu đồng tuy nhiên trong giấy bán tàu viết tay do các bên tự thiết lập giá con tàu là 2,4 tỷ do đó chưa đủ căn cứ chấp nhận ;

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Đình L.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa nhận định:

1[Về thủ tục tố tụng]: Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Trương H vắng mặt, ông H đã ủy quyền cho ông Đào Xuân C tham gia tố tụng nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 228 BLTTDS xử vắng mặt ông Lê Trương H.

2.[Về quan hệ pháp luật]: Ngày 17/9/2018 nguyên đơn ông Nguyễn Đình L là công chứng viên thuộc Văn phòng công chứng TT đã thực hiện việc công chứng chuyển nhượng 01 tàu cá có số ký hiệu đăng ký: TH-90929-TS , đứng tên chủ tàu là Lê Trương L, mà bên bán là Lê Trương L, Lê Thị T và bên mua là Lê Trương H, Lê Trương T. Khi thực hiện công chứng, các bên không xuất trình được giấy chứng nhận bản chính nhưng vẫn tự nguyện mua bán, yêu cầu công chứng viên lập hợp đồng công

chúng, đồng thời viết bản cam kết, cam kết với công chứng viên tự chịu trách nhiệm pháp lý về việc lập công chứng khi còn thiếu giấy chứng nhận bản chính. Do tin tưởng các bên sẽ tìm được bản chính rồi thực hiện việc đăng ký sở hữu tàu cá nên ông L biết rõ giấy chứng nhận tàu cá không có bản chính nhưng vẫn thực hiện việc công chứng, hợp đồng công chứng số 5335 ngày 17/9/2018.

Tuy nhiên sau một thời gian biết rõ việc lập hợp đồng công chứng trong khi không có bản chính là vi phạm khoản 3 điều 41 Luật công chứng 2014 nên ông L đã trao đổi với ông L, bà T, ông H và ông T làm đơn yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng công chứng trên vô hiệu nhưng không được chấp thuận. Do vậy ông Nguyễn Đình L đã làm đơn đến TAND Huyện Hoàng Hóa khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng công chứng số 5335 ngày 17/9/2018 của văn phòng công chứng TT là vô hiệu.

Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nội dung quy định tại khoản 11 điều 26 của BLTTDS về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo đó Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hoàng Hóa và theo quy định tại điều 52 Luật Công chứng 2014 thì ông Nguyễn Đình L là 1 trong những đối tượng được quyền làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu.

Hợp đồng công chứng diễn ra ngày 17/9/2018, đơn khởi kiện của ông Lợi nộp ngày 07/6/2019 đối chiếu với quy định tại các điều 132, 407 và Điều 429 BLDS 2015 thì đơn khởi kiện của ông L còn thời hiệu khởi kiện.

3.[Về nội dung vụ án].

- *Xét yêu cầu của nguyên đơn:* Việc công chứng viên thực hiện công chứng khi không có đầy đủ giấy tờ là vi phạm vào khoản 3 điều 41 của Luật công chứng "Công chứng viên yêu cầu người yêu cầu công chứng xuất trình bản chính... để đối chiếu", vi phạm khoản 2 điều 129 của Bộ luật dân sự "giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực...", mà bản chất của hoạt động công chứng theo quy định tại điều 1 của Luật Công chứng là "công chứng là việc công chứng viên của 1 tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực hợp pháp của hợp đồng, giao dịch, tính chính xác hợp pháp..." do cả tin những người yêu cầu công chứng bị mất bản chính nên nguyên đơn đã công chứng bằng bản photo do vậy nguyên đơn biết việc làm của mình là sai nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng công chứng số 5335 vô hiệu, yêu cầu của nguyên đơn cũng phù hợp với quy định tại Điều 52 Luật công chứng về người có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu là "Công chứng viên, người yêu cầu công chứng... có quyền đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu khi có căn cứ cho rằng việc công chứng có vi phạm pháp luật". Đối chiếu với tất cả các viện dẫn pháp luật trên đây, HĐXX xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

- *Xét lời nại của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận họ đã yêu cầu công chứng viên

công chứng bằng bản photo chứ không phải bằng bản chính giấy chứng nhận tàu cá. Yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xuất phát từ việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bên mua tàu cá gồm ông Lê Trương T và Lê Trương H muốn giải quyết nợ nần cho gia đình anh Lê Trương L và chị Lê Thị T, nên mặc dù biết rõ người bán không còn (bị mất) giấy chứng nhận tàu cá bản chính họ vẫn thực hiện việc mua bán và trên thực tế sau khi công chứng xong hợp đồng, các bên đồng thời cũng thực hiện quyền nghĩa vụ của mình: Gia đình ông Lê Trương L đã giao tàu cá cho ông Lê Trương T và Lê Trương H sở hữu, ông T và ông H đã có thời gian hoạt động đánh bắt bằng chính con tàu này.

Tại phiên tòa và trong quá trình tố tụng trước đó, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng công chứng số 5335 là vô hiệu, HĐXX thấy rằng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đưa ra được bằng chứng và lập luận cho quan điểm của mình khi không đồng ý tuyên hợp đồng 5335 là vô hiệu, đến nay cũng không xuất trình được bản chính của giấy chứng nhận tàu cá TH-90929TS, do vậy HĐXX không chấp nhận lời nại của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu: Nếu HĐXX tuyên hợp đồng công chứng là vô hiệu thì đề nghị Tòa án công nhận sự mua bán tàu cá giữa các bên là có thật, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên.

HĐXX thấy rằng, cùng một con tàu, cùng một thời điểm ngày 17/9/2018 nhưng tại hợp đồng công chứng số 5335 do Văn phòng công chứng TT xác lập mức giá của con tàu là 500 triệu đồng trong khi tại giấy mua bán tàu cá viết tay do các bên tự xác lập con tàu lại có giá 2,4 tỷ. Như vậy HĐXX không có cơ sở để công nhận sự mua bán của các bên. Trong vụ việc này bên bán và bên mua đã thừa nhận có việc bán mua nên HĐXX sẽ giành quyền dân sự bằng một vụ án khác để bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được khởi kiện, Tòa án sẽ thụ lý giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã giải thích về yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên hợp đồng công chứng vô hiệu, nhưng bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu gì, do đó HĐXX không xem xét.

Đối chiếu với các quy định của pháp luật, HĐXX xét thấy yêu cầu của nguyên đơn đưa ra là phù hợp, thỏa mãn các điều kiện của pháp luật hiện hành, đúng với quy tắc đạo đức nghề nghiệp của người công chứng viên, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên Hợp đồng công chứng tàu cá số 5335 ngày 17/9/2018 của Văn phòng công chứng TT là vô hiệu.

4.[Án phí]: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí, trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp; Bị đơn là ông Lê Trương L và bà Lê Thị T chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 2 Điều 117, khoản 2 Điều 119, Điều 122, 129, 132, 407, 429 BLDS;
Điều 5, khoản 11 Điều 26, khoản 2 Điều 228, Điều 266 và Điều 271 BLTTDS;

Điều 41 và Điều 52 Luật công chứng năm 2014

Khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình L.

2. Tuyên bố huỷ toàn bộ Hợp đồng công chứng số 5335 quyền số 01/2018.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/9/2018 của văn phòng công chứng TT. Người ký công chứng viên: Ông Nguyễn Đình L về nội dung: Ông Lê Trương L, và bà Lê Thị T chuyển nhượng cho ông Lê Trương H và Lê Trương T 01 tàu cá có số đăng ký TH-90929 – TS do chi cục KT và BVNLTS Thanh Hóa cấp ngày 15/12/2017, tên chủ tàu: Lê Trương L, địa chỉ: Xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Dành quyền dân sự cho ông Lê Trương L, bà Lê Thị T, ông Lê Trương H và ông Lê Trương T về yêu cầu khởi đối với việc mua bán tàu cá TH-90929-TS nếu có tranh chấp, bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc ông Lê Trương L và bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ án phí DSST; Trả lại cho ông Nguyễn Đình L 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005664 ngày 14/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Lê Trương H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện .
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã.
- Các đương sự
- Lưu

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

ĐÃ KÝ

Lê Thị Phương Thanh

